

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH 10
Năm học 2019-2020

Tháng 04 năm 2019

MÔN NGỮ VĂN

❑ Thi vào lớp 10 công lập:

- Thời lượng làm bài: 120 phút.
- Hình thức đề thi: Tự luận

I. Tiếng Việt	3 câu (có 1 ngữ liệu chung cho cả 3 câu hỏi (ngữ liệu có thể ngoài SGK)	3,0 điểm
II. Tập làm văn	1 câu nghị luận xã hội (không yêu cầu viết thành bài Tập làm văn hoàn chỉnh)	3,0 điểm
	1 câu nghị luận văn học (yêu cầu viết một bài Tập làm văn)	4,0 điểm

- Nội dung thi: thực hiện theo những quy định và hướng dẫn ở Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (khối lớp 9), Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn năm 2014.

- Mức độ :

BIẾT	3/10
HIỂU	7/10
VẬN DỤNG và VẬN DỤNG CAO	

❑ Thi tuyển sinh lớp 10 chuyên Ngữ văn:

- Thời lượng làm bài: 150 phút.
- Hình thức đề thi và nội dung thi: như Thi tuyển sinh vào lớp 10 công lập.
- Ngữ liệu đọc hiểu có thể ngoài sách giáo khoa.
- Mức độ :

BIẾT	2/10
HIỂU	8/10
VẬN DỤNG và VẬN DỤNG CAO	

MÔN TIẾNG ANH

□ Thi tuyển lớp 10 công lập:

- Hình thức đề thi:

- + Trắc nghiệm khách quan hoàn toàn (không có phần nghe)
- + Làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm của hội đồng thi phát và chấm bằng máy.

- Thời gian làm bài: 60 phút

- Mức độ:

BIẾT (Knowing)	3/10
HIỂU (Understanding)	7/10
VẬN DỤNG VÀ VẬN DỤNG CAO (Applying/Analyzing/Synthesizing and Evaluating)	

- Nội dung đề thi: Chủ yếu là chương trình Tiếng Anh lớp 9, đề thi gồm có 40 câu. Mỗi câu 0,25 điểm. Theo cấu trúc sau:

KIẾN THỨC	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
Ngữ âm	2 câu -----> 0,5 đ	Word Stress : Chọn từ có dấu nhấn chính khác những từ còn lại.
	2 câu -----> 0,5 đ	Pronunciation : Chọn từ có phần được gạch chân phát âm khác những từ còn lại.
Ngữ nghĩa, Từ loại	2 câu -----> 0,5 đ	Odd one out : Chọn từ khác chủ đề hoặc có từ loại khác những từ còn lại.
Chức năng giao tiếp	2 câu -----> 0,5 đ	Grammar & Vocabulary : Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành hoặc trả lời câu hỏi.
Từ vựng	5 câu -----> 1,25 đ	
Ngữ pháp	5 câu -----> 1,25 đ	

Đọc hiểu	6 câu -----> 1,5 đ	Reading Comprehension : (MCQs) Chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi / hoàn thành câu.
	8 câu -----> 2,0 đ	Reading Comprehension : (Gap-filling) Chọn phương án đúng nhất để điền vào chỗ trống.
Viết	4 câu -----> 1,0 đ	Error identification: Chọn 1 trong 4 yếu tố A, B, C, D được gạch chân mà không đúng tiếng Anh chuẩn
	2 câu -----> 0,5 đ	Sentence transformation: Chọn 1 trong 4 lựa chọn A, B, C, D là viết lại câu không đổi nghĩa của câu đề bài
	2 câu -----> 0,5 đ	Sentence completion: Chọn 1 trong 4 lựa chọn A, B, C, D để hoàn thành câu đúng tiếng Anh chuẩn

❑. Thi tuyển lớp 10 chuyên Tiếng Anh:

- Hình thức đề thi:

Trắc nghiệm khách quan (**có phần trắc nghiệm nghe hiểu**) + tự luận.

- Thời gian làm bài: 150 phút

- Mức độ:

BIẾT (Knowing)	1/10
HIỂU (Understanding)	9/10
VẬN DỤNG VÀ VẬN DỤNG CAO (Applying, Analyzing, Synthesizing and Evaluating)	

- Nội dung kiểm tra: Chủ yếu là chương trình Tiếng Anh lớp 9, đề thi gồm có 68 câu và 1 bài viết luận. Theo cấu trúc sau:

LOẠI HÌNH TRẮC NGHIỆM	KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN + TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN (Trong đó Word Form, Verb Tense &	Nghe hiểu	8 câu -----> 1,0 đ	Listening : MCQs (Nghe CD và chọn A, B, C, D)
		8 câu -----> 1,0 đ	Listening : CLOZE TEST (Nghe CD và điền từ/cụm từ vào chỗ trống)
	Ngữ âm	4 câu -----> 0,5 đ	Word Stress : (Chọn từ có dấu nhấn chính khác những từ còn lại.)
		4 câu -----> 0,5 đ	Pronunciation : (Chọn từ có phần được gạch chân phát âm khác những từ còn lại)
Ngữ nghĩa, từ loại	4 câu -----> 0,5 đ	Odd one out : (Chọn từ khác chủ đề hoặc có từ loại khác những từ còn lại)	

<p>Form, Sentence Transformation là trắc nghiệm tự luận;</p> <p>Writing là viết bài luận;</p>	<p>Từ vựng, ngữ pháp, chức năng giao tiếp</p>	4 câu -----> 0,5 đ	<p>Word Form :</p> <p>(Viết từ loại đúng của từ được cho)</p>
		4 câu -----> 0,5 đ	<p>Verb Tense & Form :</p> <p>(Chia thì và/hoặc hình thức đúng của động từ)</p>
		8 câu -----> 1,0 đ	<p>Sentence Transformation:</p> <p>(Viết lại câu không đổi nghĩa)</p>
		8 câu -----> 1,0 đ	<p>Matching:</p> <p>(Ghép đôi)</p>
<p>Các phần còn lại là trắc nghiệm khách quan)</p>	<p>Đọc hiểu</p>	8 câu -----> 1,0 đ	<p>Reading Comprehension - Gap - Filling</p> <p>(Đọc đoạn văn và chọn phương án đúng nhất để điền vào chỗ trống)</p>
		8 câu -----> 1,0 đ	<p>Reading Comprehension - Answers</p> <p>(Đọc đoạn văn và chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi / hoàn thành câu)</p>
	<p>Viết</p>	1 bài -----> 1,5 đ	<p>Writing :</p> <p>(Viết một đoạn văn ngắn hoặc bài luận (khoảng 200 từ) về một chủ đề)</p>

Ghi chú:

- Đối với thi tuyển lớp 10 chuyên, trắc nghiệm và tự luận phát đề một lượt.

- Chuẩn tiếng Anh căn cứ các bộ Từ điển lớn có uy tín được giới học thuật ESL và EFL công nhận như: (Từ điển *Oxford Advanced Learners' Dictionary*, Từ điển *Cambridge Advanced Learners' Dictionary*, Từ điển *Meriam-Webster Learners' Dictionary*, Từ điển *Macmillan English Dictionary for Advanced Learners*, Từ điển *Longman Dictionary of Contemporary English*, Từ điển *Random House Dictionary*, Từ điển *Collins English Dictionary*, ...)

MÔN TOÁN

□ Thi vào lớp 10 công lập:

1. Hình thức thi : Tự luận
2. Thời gian làm bài: 120 phút
3. Nội dung ôn tập:

Cần lưu ý các vấn đề sau:

A. Đại số:

- Tính giá trị một biểu thức chứa căn bậc hai.
 - Làm mất căn ở mẫu của biểu thức chứa căn bậc hai.
 - Sử dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = |A|$
 - So sánh căn bậc hai.
 - Giải phương trình chứa căn bậc hai dạng $\sqrt{A} = \sqrt{B}$; $\sqrt{A} = B$.
 - Rút gọn một biểu thức chứa căn bậc hai.
 - Tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất.
 - Viết các dạng phương trình đường thẳng: Qua 1 điểm và biết hệ số góc, qua 1 điểm và biết tung độ gốc, qua 2 điểm, qua 1 điểm và song song với một đường thẳng cho trước, **qua 1 điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước.**
 - Vẽ đồ thị đường thẳng: $y = ax$; $y = ax + b$; $y = b$; $x = a$.
 - Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng, phương pháp thế.
 - Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
 - Giải phương trình bậc hai, qui về bậc hai.
 - Vẽ đồ thị parabol (P) : $y = ax^2$.
 - Bài toán về sự tương giao giữa đường thẳng và parabol.
 - Định lý Viét và các hệ thức đối xứng giữa các nghiệm.
 - Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc hai.
- * Chú ý: Được sử dụng công thức tính khoảng cách giữa hai điểm

$$AB = \sqrt{(x_B - x_A)^2 + (y_B - y_A)^2}$$

B. Hình học:

- Hệ thức lượng trong tam giác vuông.
- Tính tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Tính giá trị của biểu thức có tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Chứng minh một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn.
- Chứng minh các điểm cùng nằm trên một đường tròn.
- Góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.
- Góc ở tâm.
- Góc có đỉnh bên trong và bên ngoài đường tròn.
- Tứ giác nội tiếp.
- Độ dài cung.
- Tính diện tích hình tròn, **độ dài đường tròn**.
- Tính diện tích các hình phẳng giới hạn bởi các cung và dây cung trong một hình tròn.
- Tính diện tích, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu.

4. *Cấu trúc đề thi:* gồm 5 bài toán

Bài 1: Căn bậc hai, đường thẳng, phương trình, hệ phương trình, định lí Viét.

Bài 2: Bài toán về hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai, sự tương giao.

Bài 3: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình bậc hai. (Không giới hạn phương pháp giải).

* Chú ý: Các dạng toán chuyên động, năng suất, hình học, số học.

Bài 4: Hình học phẳng.

Bài 5: Hình học không gian.

❑ **Thi vào lớp 10 chuyên Toán:**

1. *Hình thức thi* : Tự luận

2. *Thời gian làm bài*: 150 phút

3. *Nội dung ôn tập*:

3.1. Số học: Chỉ cho các dạng toán đơn giản về **hợp số, số nguyên tố**, số chính phương, chia hết.

3.2. Đại số: Chỉ cho các dạng toán nâng cao **nhẹ, bám sát** chương trình đại số lớp 9.

Chú ý:

a) Không đánh đố như đề thi chọn học sinh giỏi;

b) Không lấy các bài Toán thi THPT Quốc gia về:

- Giải phương trình, hệ phương trình chứa căn thức
- Sự tương giao của đường thẳng và parabol (hay đường thẳng)
- Về bất đẳng thức chỉ sử dụng kiến thức:
 - + $A \geq B \Leftrightarrow A - B \geq 0$
 - + Bất đẳng thức AM-GM cho hai số không âm.
- Bài toán tìm giá trị lớn nhất (hay giá trị nhỏ nhất) chỉ cho nhẹ ở phần ứng dụng của định lý Viet.

3.3. Hình học: Chỉ cho các dạng toán nâng cao **nhẹ, bám sát** chương trình Hình học lớp 9.

Chú ý:

- Không đánh đố như thi học sinh giỏi Toán văn hoá;
- Không lấy các bài Toán thi học sinh giỏi văn hoá, lưu ý thêm:
 - Có câu hỏi dễ;
 - Câu hỏi khó phải có định hướng trước đó để làm phân nền giúp học sinh giải quyết câu hỏi khó;
 - Không cho dạng toán yêu cầu quá cao, lạ với đa số học sinh;
 - **Hạn chế** cho dạng toán vẽ đường phụ mà đường phụ này không dễ gì học sinh phát hiện được (không theo qui luật vẽ đường phụ ở THCS).

4. Cấu trúc đề thi: gồm 4 bài toán

Bài 1 (3,0 điểm): Đại số

- Căn thức;
- Phương trình;
- Hệ phương trình (không có tham số).

Bài 2 (3,0 điểm): Đại số

- Đồ thị hàm số bậc nhất, bậc hai, sự tương giao;
- + Phương trình bậc hai và định lý Viet.
 - + Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức đại số.

(tìm giá trị lớn nhất (hay giá trị nhỏ nhất) chỉ cho nhẹ ở phần ứng dụng của định lý Viet).

Bài 3 (1,0 điểm): Số học

Hợp số, số nguyên tố, số chính phương, chia hết.

Bài 4 (3,0 điểm): Hình học

- Câu hỏi cơ bản (dễ);
 - Câu hỏi dẫn dắt học sinh chuẩn bị kiến thức nền làm câu hỏi khó;
 - Câu hỏi khó.
- Kiến thức: Chỉ cho các dạng toán nâng cao **nhẹ, bám sát** chương trình Hình học lớp 9.

□ **Thi vào lớp 10 chuyên Tin:**

1. Hình thức thi : Tự luận
2. Thời gian làm bài: 150 phút
3. Nội dung ôn tập:

3.1. Đại số: **Cho các dạng toán từ cơ bản đến nâng cao (chú ý không nâng cao như đề chuyên toán) bám sát** chương trình đại số lớp 9.

- Tính giá trị một biểu thức chứa căn bậc hai.
 - Làm mất căn ở mẫu của biểu thức chứa căn bậc hai.
 - Sử dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = |A|$
 - So sánh căn bậc hai.
 - Giải phương trình chứa căn bậc hai dạng $\sqrt{A} = \sqrt{B}$; $\sqrt{A} = B$.
 - Rút gọn một biểu thức chứa căn bậc hai.
 - Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.
 - Tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất.
 - Viết các dạng phương trình đường thẳng: Qua 1 điểm và biết hệ số góc, qua 1 điểm và biết tung độ góc, qua 2 điểm, qua 1 điểm và song song với một đường thẳng cho trước.
 - Vẽ đồ thị đường thẳng: $y = ax$; $y = ax + b$; $y = b$; $x = a$.
 - Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng, phương pháp thế.
 - Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
 - Giải phương trình bậc hai, quy về bậc hai .
 - Vẽ đồ thị parabol $y = ax^2$.
 - Bài toán về sự tương giao giữa đường thẳng và parabol.
 - Định lý Viét và các hệ thức đối xứng giữa các nghiệm.
 - Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc hai.
 - Xác định tham số m thỏa điều kiện.
- * Chú ý: công thức tính khoảng cách giữa hai điểm

$$AB = \sqrt{(x_B - x_A)^2 + (y_B - y_A)^2}$$

3.2. Hình học: **Cho các dạng toán từ cơ bản dẫn dắt đến nâng cao (chú ý không nâng cao như đề chuyên toán) bám sát** chương trình Hình học lớp 9 (**không cho tìm tập hợp điểm, quỹ tích**)

- Hệ thức lượng trong tam giác vuông.

- Tính tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Tính giá trị của biểu thức có tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Chứng minh một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn.
- Chứng minh các điểm cùng nằm trên một đường tròn.
- Góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung.
- Góc ở tâm.
- Góc có đỉnh bên trong và bên ngoài đường tròn.
- Tứ giác nội tiếp.
- Độ dài cung.
- Tính diện tích hình tròn.
- Tính diện tích các hình phẳng giới hạn bởi các cung và dây cung trong một hình tròn.
- Tính diện tích, thể tích của hình trụ, hình nón, hình cầu.

3.3 Số học: Biết công thức $\overline{ab}, \overline{abc}, \overline{abcd}, \dots$ như: $\overline{ab} = 10a + b, \dots$; tìm a, b, c, \dots để làm bài toán đại số giải phương trình, hệ phương trình

4. Cấu trúc đề thi: gồm 4 bài toán

Bài 1 (3,0 điểm): Đại số

a) Căn thức:

- Rút gọn biểu thức $P(x)$;
- Tìm x để $P(x) = \text{const}$;
- Chứng minh $P(x) \geq \text{const}$; $P(x) \leq \text{const}$;

b) Phương trình:

- Xác định tham số m phương trình bậc 2 vô nghiệm, nghiệm kép, có 2 nghiệm, 2 nghiệm âm, 2 nghiệm dương.

c) Hệ phương trình dạng biến đổi về tổng, tích.

Bài 2 (3,0 điểm): Đại số

a) Đồ thị hàm số bậc nhất, bậc hai, sự tương giao;

b) + Phương trình bậc hai và định lí Viet.

+ Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức đại số.

c) Xác định tham số m thỏa điều kiện (dựa đồ thị hoặc pt hoành độ giao điểm);

Bài 3 (1,0 điểm): Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình (biết dạng biểu diễn số học)

(Vd: Tìm số có 2 chữ số, 3 chữ số,biết ...)

Bài 4 (3,0 điểm): Hình học

- a) Câu hỏi cơ bản;
- b) Câu hỏi dẫn dắt học sinh chuẩn bị kiến thức nền làm câu hỏi khó;
- c) Câu hỏi khó (*không nâng cao như đề chuyên toán*).

+ Kiến thức: **Các dạng toán từ cơ bản dẫn dắt đến nâng cao** (*không nâng cao như đề chuyên toán*) **bám sát** chương trình Hình học lớp 9.

MÔN VẬT LÝ

□ Thi vào lớp 10 chuyên Vật lý:

- a). Hình thức, thời lượng: Tự luận hoàn toàn, 150 phút.
 b). Tỉ lệ các mức độ trong đề thi

Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1,0/10	1,0/10	4,0/10	4,0/10

- c). Cấu trúc (10 điểm): Có 5 bài tập.

Chủ đề	Nội dung kiến thức	Cấp độ nhận thức Vận dụng
Dòng điện không đổi	Từ tiết 1 đến tiết 21 (theo phân phối chương trình) (Bài 1 đến bài 20 SGK)	2 bài tập
Quang hình học	Từ tiết 46 đến tiết 61 (theo PPCT) (Bài 40 đến bài 51 SGK)	1 bài tập
Nhiệt học	Phần nhiệt học lớp 8 nâng cao	1 bài tập
Cơ học	Phần cơ học lớp 8 nâng cao	1 bài tập

Cụ thể:

- Điện học (4,0 điểm): 2 bài.
- + Bài 1 (2,0 điểm): Biết + Hiểu
- + Bài 2 (2,0 điểm): Vận dụng + Vận dụng cao
- Quang hình học (2,0 điểm): 1 bài.
- + Vận dụng (1,0); + Vận dụng cao (1,0)
- Nhiệt học (2,0 điểm): 1 bài.
- + Vận dụng (1,0); + Vận dụng cao (1,0)
- Cơ học (2,0 điểm): 1 bài.
- + Vận dụng (1,0); + Vận dụng cao (1,0)

Chú ý:

- Điện học: Không ra nguồn điện, không ra phân điện từ học.
- Quang hình học: Cho một thấu kính, không ghép thấu kính, có di chuyển thấu kính, di chuyển vật, di chuyển màn chắn. Mắt: có ghép (mắt cận, mắt lão). Được sử dụng công thức về thấu kính khi giải bài tập có liên quan (đề thi không giới hạn cách giải bằng công thức hay bằng phương pháp hình học).

- Cơ học: Chuyên động cơ học bao gồm tốc độ, chuyển động đều, chuyển động không đều, lực ma sát.

c) Nội dung: Toàn chương trình Vật lí 9 (bỏ phần Từ nhưng phải dạy máy biến thế và truyền tải điện năng đi xa); phần nhiệt học lớp 8 có nâng cao và phần cơ học lớp 8 có nâng cao.

Học sinh học theo chương trình “Trường học mới” cũng theo cấu trúc và nội dung này nếu muốn thi vào lớp 10 chuyên Vật Lý.

MÔN HÓA HỌC

□ Thi vào lớp 10 chuyên Hóa :

1. Thời lượng làm bài: 150 phút.

2. Nội dung đề thi:

Toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Hóa học 8, 9 hiện hành (50% vô cơ và 50% hữu cơ). Có phần kiến thức nâng cao, có cả những nội dung giảm tải.

3. Hình thức đề thi và các mức độ đánh giá:

a. Hình thức đề thi

Hình thức	Yêu cầu	Thang điểm
Tự luận	- Câu hỏi kiểm tra lý thuyết gồm: 1 câu vô cơ, 1 câu hữu cơ.	4,0
	- Câu hỏi kiểm tra tính toán gồm: 1 câu vô cơ, 1 câu hữu cơ.	4,0
	- 01 câu hỏi kiểm tra về kiến thức thực hành thí nghiệm, 01 câu hỏi kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn đánh giá năng lực học sinh.	2,0

b. Các mức độ đánh giá

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ	20%	30%	30%	20%

MÔN SINH HỌC

□ Thi vào lớp 10 chuyên Sinh:

1. Thời lượng làm bài: 150 phút.

2. Hình thức đề thi:

- * Hoàn toàn bằng tự luận.
- * Chỉ có **một đề duy nhất**, bắt buộc đối với tất cả mọi thí sinh.
- * Có khoảng 7 đến 10 câu hỏi, trong mỗi câu có một số câu hỏi nhỏ (hoặc không).
- * Tổng thang điểm chung cho toàn bài là 10 theo qui định thống nhất. Thang điểm cụ thể cho mỗi câu hỏi – tương ứng với khối lượng nội dung của từng câu – sẽ được **ghi cụ thể trong đề thi theo tỉ lệ**.

Phần	Chương	Số điểm Lý thuyết	Số điểm Vận dụng (Bài tập/giải quyết vấn đề thực tiễn)	Tổng điểm
Di truyền học (7,0 điểm)	Chương 1: Các thí nghiệm của Mendel	0,5	0,5	1,0
	Chương 2: Nhiễm sắc thể	0,5	0,5	1,0
	Chương 3: ADN và gen	0,5	1,0	1,5
	Chương 4: Biến dị	0,75	0,5	1,25
	Chương 5: Di truyền học người	0,75	0,5	1,25
	Chương 6: ứng dụng di truyền học	1,0	0	1,0
Sinh vật và môi trường (3,0 điểm)	Chương 1: Sinh vật và môi trường	0,75	0	0,75
	Chương 2: Hệ sinh thái	0,75	0,5	1,25
	Chương 3: Con người, dân số và môi trường	0	0,5	0,5
	Chương 4: Bảo vệ môi trường	0	0,5	0,5
Tổng		5,5	4,5	10,0

3. Nội dung ôn tập (ra đề):

* Nội dung đề thi sẽ giới hạn trong **toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Sinh học 9 hiện hành.**

*** Mức độ**

- Biết: 2,5 điểm.
- Hiểu: 3,0 điểm.
- Vận dụng thấp: 2,5 điểm.
- Vận dụng cao: 2,0 điểm.

* Về hình vẽ cụ thể như sau: Hình vẽ: 8.1, 8.3, bảng 9.2, 10, 15, 17.1, 19.2, 21.1, 23.2, 24.5, 32, 41.2, 47, 50.2 (cách vẽ chuỗi và lưới thức ăn).

*** Bài tập:**

- 1/ Lai một và hai cặp tính trạng;
 - 2/ Nhiễm sắc thể - nguyên phân – giảm phân;
 - 3/ ADN và gen; ARN; Prôtêin./.
-